

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH LƯU
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/DS-ST

Ngày: 28- 9- 2021

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng và
hợp đồng thế chấp*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Đạt Nghiêm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đậu Cao Nhu và ông Phạm Văn Tình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

- Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2021/TLST-DS, ngày 05 tháng 4 năm 2021, về: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp*”; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2021/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng V;

Địa chỉ trụ sở: Số 89 L, phường LH, quận Đ, TP Hà Nội.

Người Đ diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, chức vụ: Chủ Tịch Hội đồng quản trị.

Người Đ diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A, chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm pháp luật Ngân hàng SME và cá nhân, V Hội sở (văn bản ủy quyền số 11/2018/UQ-HĐQT ngày 02/3/2018).

Người Đ diện theo ủy quyền lại: Bà Trần Thị Ph, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ (văn bản ủy quyền số 2535/2021/UQ-LCC-KHCN0, ngày 17/9/2021); có mặt.

Địa chỉ: Tầng 16 tháp A, tòa nhà Dầu khí, số 7 đường QT, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

- Bị đơn:

1. Anh Phan Hữu Đ, sinh năm 1986; vắng mặt;

Nơi cư trú: Xóm 2, xã QĐ, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

2. Chị Vũ Thị T, sinh năm 1982 (vợ anh Đ); vắng mặt;

Nơi ĐKKHTT: Khối 10, phường M, thị xã HM, tỉnh Nghệ An.

Nơi cư trú: Xóm 2, xã QĐ, huyện QL, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/3/2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người Đ diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (sau đây gọi là Ngân hàng V) trình bày:

Ngày 11/4/2018, Ngân hàng V – Chi nhánh N– Phòng giao dịch T ký hợp đồng tín dụng số LN 1804050606449 với anh Phan Hữu Đ và chị Vũ Thị T. Theo hợp đồng, anh Đ, chị T vay của Ngân hàng TMCP V– Chi nhánh N– Phòng giao dịch T số tiền 966.000.000 đồng; thời hạn vay 72 tháng, thời điểm trả hết nợ 11/4/2024; mục đích vay: Mua ô tô nhãn hiệu CNHTC/HOWO ZZ3257; lãi suất trong hạn tại thời điểm giải ngân là 10,4%/năm. Hết thời hạn 12 tháng, lãi suất sẽ được điều chỉnh 3 tháng một lần vào các ngày 01/01, 01/4/01/7 và 01/10 hàng năm; ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là 01/4/2019, điều chỉnh sau đó vào ngày 01/7/2019; mức điều chỉnh bằng lãi suất tiết kiệm thường VNĐ tại quầy kỳ hạn 24 tháng theo mức tiền gửi cao nhất của Ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 6%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chậm trả nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Anh Đ, chị T đã ký khế ước nhận nợ lần 1, số LN1804050606449, ngày 11/4/2018. Ngân hàng V đã giải ngân một lần cho anh Đ, chị T với số tiền 966.000.000 đồng.

Để bảo đảm cho khoản vay trên, anh Đ, chị T đã thế chấp xe ô tô nhãn hiệu CNHTC, biển kiểm soát 37C– 288.22, số khung LSC1HD311389, số máy 170817009657; giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 071206 do Phòng Cảnh sát Giao thông– Công an tỉnh Nghệ An cấp ngày 10/04/2018, mang tên anh Phan Hữu Đ, theo hợp đồng thế chấp số LN1804050606449 ngày 11/4/2018 được ký kết giữa Ngân hàng V với anh Phan Hữu Đ, chị Vũ Thị T.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, anh Đ, chị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, chỉ thanh toán cho Ngân hàng V số tiền tính đến ngày 14/8/2018 là 73.500.649 đồng (trong đó, tiền gốc 47.198.000 đồng, tiền lãi 26.302.649 đồng). Kể từ sau ngày 14/8/2018 cho đến nay anh Đ, chị T không thanh toán bất kỳ khoản nào mặc dù Ngân hàng V đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở, đòi nợ trước hạn. Do đó, Ngân hàng V đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện QL giải quyết buộc anh Đ chị T phải thanh toán một lần

cho Ngân hàng V số tiền nợ tạm tính đến hết ngày 28/9/2021 là 1.556.611.312 đồng (trong đó tiền gốc là 918.802.000 đồng, tiền lãi là 545.662.024 đồng, phạt chậm trả là 92.147.288 đồng). Tại phiên tòa Ngân hàng V rút yêu cầu phạt chậm trả 92.147.288 đồng. Nay chỉ còn yêu cầu Tòa án xét xử buộc anh Đ, chị T phải thanh toán một lần tổng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 28/9/2021 là 1.464.464.024đ (một tỷ bốn trăm sáu mươi tư triệu bốn trăm sáu mươi tư nghìn không trăm hai mươi tư đồng); (trong đó tiền gốc là 918.802.000 đồng, tiền lãi

trong hạn là 7.792.500 đồng, tiền lãi quá hạn là 537.869.524 đồng) và yêu cầu anh Đ, chị T tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả tiền lãi phát sinh tiếp theo kể từ ngày 29/9/2021 cho đến khi thanh toán hết nợ theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Trường hợp anh Đ, chị T không thanh toán được nợ thì Ngân hàng V có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ là chiếc xe ô tô nhãn hiệu CNHTC, biển kiểm soát 37C – 288.22, số khung LSC1HD311389, số máy: 170817009657, mang tên anh Phan Hữu Đ, theo hợp đồng thế chấp số LN1804050606449, ngày 11/4/2018.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân phường M, thị xã HM: Chị Vũ Thị T có đăng ký hộ khẩu tại phường M, thị xã HM, tỉnh Nghệ An. Chị T có đăng ký kết hôn với anh Phan Hữu Đ tại xã QĐ, huyện QL nên kể từ ngày kết hôn, chị T về chung sống với chồng tại xã QĐ huyện QL. Hiện tại chị T không có mặt tại phường M, thị xã HM.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã QĐ: Chị Vũ Thị T và anh Phan Hữu Đ có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã QĐ, huyện QL. Chị T hiện không có hộ khẩu tại xã QĐ, nhưng đang chung sống với anh Đ tại xóm 2, xã QĐ từ khi kết hôn đến nay. Hiện tại anh Đ và chị T đều đi làm, thỉnh thoảng mới về địa phương.

Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn thực hiện đúng đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của BLTTDS. Bị đơn anh Phan Hữu Đ và chị Vũ Thị T không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của của BLTTDS.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, 147, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; các Điều 91 và 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng V.

Buộc anh Phan Hữu Đ và chị Vũ Thị T phải trả nợ cho Ngân hàng VP tổng số tiền tính đến ngày 28/9/2021 là 1.464.464.024 đồng (một tỷ bốn trăm sáu mươi tư triệu bốn trăm sáu mươi tư nghìn không trăm hai mươi tư đồng); (trong đó tiền gốc là 918.802.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 7.792.500 đồng, tiền lãi quá hạn là 537.869.524 đồng); Anh Đ, chị T phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh tiếp theo kể từ ngày 28/9/2021 cho đến khi thanh toán hết nợ theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Trường hợp anh Đ và chị T không thanh toán được nợ thì Ngân hàng V có

quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ là chiếc xe ô tô nhãn hiệu nhãn hiệu CNHTC, Biển kiểm soát 37C – 288.22, số khung LSC1HD311389, số máy: 170817009657 mang tên anh Phan Hữu Đ, theo hợp đồng thế chấp số LN1804050606449 ngày 11/4/2018. Trường hợp số tiền phát mại tài sản không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ Ngân hàng, thì yêu cầu anh Đ, chị T tiếp tục thu xếp các nguồn thu khác để trả nợ đủ cho Ngân hàng. Trường hợp tiền phát mại tài sản còn thừa sau khi đã thanh toán đầy đủ khoản nợ của anh Đ, chị T cho Ngân hàng, thì Ngân hàng phải trả lại cho anh Đ, chị T.

Về án phí: Anh Phan Hữu Đ, chị Vũ Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng V được chấp nhận nên không phải chịu án phí.

Hoàn trả cho Ngân hàng V số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của các đương sự, quan điểm của vị Đ diện Viện kiểm sát và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng và tranh chấp hợp đồng thế chấp theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm 2, xã Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu. Chị T đăng ký hộ khẩu tại phường Mai Hùng, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An, nhưng qua điều tra xác minh, chị T sau khi kết hôn về chung sống với anh Đ tại xóm 2, xã Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu theo quy định tại các Điều 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng bị đơn anh Đ và chị T không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định. Tòa án đã T hành niêm yết công khai các văn bản thông báo thụ lý; giấy triệu tập làm việc tại Tòa

án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo về việc hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật nhưng anh Đ, chị T đều vắng mặt tất cả các buổi làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử T hành xét xử vắng mặt anh Đ, chị T theo quy định tại các Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số LN 1804050606449 ngày 11/4/2018, khế ước

nhận nợ lần 1 số LN 1804050606449 ngày 11/4/2018 đều có chữ ký xác nhận của Ngân hàng V– Chi nhánh Ngô Quyền– phòng giao dịch Thái Hà và anh Phan Hữu Đ, chị Vũ Thị T; phiếu ủy nhiệm chi ngày 11/4/2018 đều có chữ ký của Ngân hàng V và anh Phan Hữu Đ. Đồng thời, hợp đồng thế chấp số LN 1804050606449 ngày 11/4/2018, đơn yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm đều có chữ ký của anh Đ, chị T. Nên đủ cơ sở để kết luận vợ chồng anh Đ, chị T có vay của Ngân hàng V- Chi nhánh Ngô Quyền– Phòng giao dịch Thái Hà số tiền 966.000.000đ (chín trăm sáu mươi sáu triệu đồng).

Quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 11/8/2018 anh Đ, chị T đã trả được số tiền gốc 47.198.000 đồng và lãi 26.302.649 đồng; tổng cộng là 73.500.649 đồng. Ngân hàng V đã ra thông báo thu hồi nợ trước hạn số 2842/2019/TB-KHCNPVN ngày 01/4/2019, nhưng anh Đ, chị T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nữa.

Như vậy, có đủ căn cứ chứng minh anh Đ, chị T đã trả được cho Ngân hàng V số tiền gốc là 47.198.000 đồng và tiền lãi 26.302.649 đồng; tổng cộng là 73.500.649 đồng. Anh Đ, chị T còn nợ Ngân hàng V tính đến ngày 28/9/2021 là 1.464.464.024 đồng (trong đó tiền gốc là 918.802.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 7.792.500 đồng, lãi quá hạn 537.869.524 đồng). Do đó, cần buộc anh Đ, chị T trả số tiền còn nợ trên cho Ngân hàng V- Chi nhánh Ngô Quyền – Phòng giao dịch Thái Hà.

Theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số LN 1804050606449 ngày 11/4/2018 thì thời hạn vay là 72 tháng, tính từ ngày 11/4/2018 đến ngày 11/4/2024. Tuy chưa đến hạn thanh toán nhưng do anh Đ, chị T liên tục vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền gốc và lãi hàng tháng theo định kỳ mỗi tháng một lần vào ngày 21 là đã vi phạm vào Điều 4 Hợp đồng tín dụng và khoản 6 Điều 1 Khế ước nhận nợ, xâm phạm đến quyền, lợi ích chính đáng của nguyên đơn. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V đối với anh Đ, chị T là có căn cứ chấp nhận.

Về lãi suất, do bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, vi phạm hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng V đã chuyển nợ quá hạn; do đó, khoản vay của anh Đ, chị T gồm: Tiền gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn.

Căn cứ vào hợp đồng thế chấp số LN1804050606449 ngày 11/4/2018 đã ký kết giữa Ngân hàng V- Chi nhánh NQ– Phòng giao dịch TH với anh Đ, chị T, được Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng chứng nhận ngày 11/4/2018, có số đăng ký là 1284151069 nên có đủ cơ sở xác nhận anh Đ, chị T đã thế chấp chiếc xe ô tô nhãn hiệu CNHTC, biển kiểm soát 37C– 288.22; giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 071206 do Phòng Cảnh sát Giao thông– Công an tỉnh Nghệ An cấp ngày 10/04/2018, mang tên Phan Hữu Đ để đảm bảo cho khoản vay trên. Theo Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ của Phòng Cảnh sát Giao thông tỉnh Nghệ An ngày 31/5/2021, thì hiện nay chiếc xe trên đang đứng tên chủ sở hữu là Phan Hữu Đ. Vì vậy, không phải đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng trong vụ án.

Hợp đồng thế chấp được các bên tự nguyện thỏa thuận giao kết, có đơn đăng ký thế chấp, đăng ký giao dịch bảo đảm và đã được chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm tại Trung tâm Đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Đà Nẵng đúng thủ tục; không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên có giá trị pháp lý, có hiệu lực thi hành theo quy định tại Điều 317 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Vì vậy, trong trường hợp bên vay là anh Phan Hữu Đ, chị Vũ Thị T không trả được nợ thì Ngân hàng V có quyền yêu cầu xử lý phát mãi tài sản là chiếc xe ô tô nhãn hiệu nhãn hiệu CNHTC, Biển kiểm soát 37C– 288.22, số khung LSC1HD311389, số máy: 170817009657 mang tên anh Phan Hữu Đ, theo hợp đồng thế chấp số LN1804050606449 ngày 11/4/2018 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật là có cơ sở.

Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đơn: Tại phiên tòa Đ diện Ngân hàng V rút yêu cầu phạt chậm trả 92.147.288 đồng. Xét yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận. Vì vậy HĐXX đình chỉ yêu cầu này của nguyên đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Phan Hữu Đ và chị Vũ Thị T để giải quyết những vấn đề liên quan đến vụ án nhưng anh Đ, chị T đều vắng mặt và cũng không có văn bản nêu ý kiến của mình cho Tòa án biết. Tại phiên tòa, anh Đ, chị T vẫn vắng mặt không có lý do cũng như không đưa ra bất kỳ một ý kiến phản hồi nào hoặc chứng cứ nào để chứng minh cho quan điểm của mình. Như vậy anh Đ, chị T đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình.

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Áp dụng Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

[3] Về án phí: Bị đơn anh Đ, chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng V được chấp nhận nên

không phải chịu án phí.

Hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào các Điều 26; 35; 39; 147; 227; 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ các Điều 280; 299; 323; 351; 463; 466 và 468 của Bộ luật Dân sự; các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng V.

2. Buộc anh Phan Hữu Đ và chị Vũ Thị T phải liên đới thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng V thông qua Chi nhánh NQ- Phòng giao dịch TH, tổng số tiền tính đến hết ngày 28/9/2021 là: 1.464.464.024đ (một tỷ bốn trăm sáu mươi tư triệu bốn trăm sáu mươi tư nghìn không trăm hai mươi tư đồng); (trong đó tiền gốc là 918.802.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 7.792.500 đồng và tiền lãi quá hạn là 537.869.524 đồng). Tiền lãi phát sinh tiếp theo được tính từ ngày 29/9/2021, tương ứng với khoản nợ gốc nêu trên và thời gian chậm trả theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số LN 1804050606449 ngày 11/4/2018 được giao kết giữa Ngân hàng V- Chi nhánh Ngô Quyền- Phòng giao dịch Thái Hà với anh Phan Hữu Đ, chị Vũ Thị T.

Trường hợp anh Phan Hữu Đ, chị Vũ Thị T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng V- Chi nhánh Ngô Quyền- Phòng giao dịch Thái Hà có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự kê biên, đấu giá tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô nhãn hiệu CNHTC, biển kiểm soát 37C- 288.22; giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 071206 do Phòng Cảnh sát Giao thông – Công an tỉnh Nghệ An cấp ngày 10/04/2018, đứng tên anh Phan Hữu Đ, được ký kết giữa Ngân hàng V- Chi nhánh Ngô Quyền- Phòng giao dịch Thái Hà với anh Phan Hữu Đ, chị Vũ Thị T. Trường hợp số tiền phát mại tài sản không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ Ngân hàng, thì yêu cầu anh Đ, chị T tiếp tục thu xếp các nguồn thu khác để trả nợ đủ cho Ngân hàng. Trường hợp tiền phạt mại tài sản còn thừa sau khi đã thanh toán đầy đủ khoản nợ của anh Đ, chị T cho Ngân hàng, thì Ngân hàng phải trả lại cho anh Đ, chị T.

3. Về án phí: Bị đơn anh Phan Hữu Đ, chị Vũ Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 55.934.000đ (năm mươi lăm triệu chín trăm ba mươi tư nghìn

đồng).

Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng V thông qua Chi nhánh Ngô Quyền- Phòng giao dịch Thái Hà số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 26.607.000đ (hai mươi sáu triệu sáu trăm linh bảy nghìn đồng) theo biên lai thu số: AA/2020/ 0002423 ngày 02/04/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND H. Quỳnh Lưu;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS H. Quỳnh Lưu;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ, VPTA.

(Đã ký)

Hồ Đạt Nghiệm